

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-3-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Tuyền.

2. Bà Tưởng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn TV 1, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn TV 1, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(chị N, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ được tự do tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2002, đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến

năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần xô xát, đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 06/02/2003 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 18/12/2007. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Mạnh C đã trưởng thành và có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị N được tự do tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 20/11/2006 anh và chị N mới tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng nhau tại Thôn TV 1, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, chị N không quan tâm đến gia đình, chồng con và anh nghi ngờ chị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chị N cam kết hứa sửa đổi nên anh đã tha thứ để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau. Sau đó tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 9 năm 2021 chị N bỏ nhà đi anh chị sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra anh đã nhờ hai bên gia đình và thôn khuyên bảo hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Nay chị N xin ly hôn anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N và thương các con nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con là cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 06/02/2003 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 18/12/2007. Nếu chị N cương quyết ly hôn, đối với cháu C hiện nay đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa chị Triệu Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân chị Triệu Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Triệu Thị N nhất trí để cháu Nguyễn Thu T cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Mạnh C hiện nay đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt có quan điểm trình bày về quan hệ vợ chồng: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị N; về con chung anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu T và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, còn cháu Nguyễn Mạnh C đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến trình bày cháu Nguyễn Thu T có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Văn Đ khi bố mẹ ly hôn.

Xác minh tại Thôn TV 1, xã TH, huyện Chiêm Hóa thể hiện: Chị Triệu Thị N và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn TV 1, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, chị N và anh Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và cùng nhau chung sống tại Thôn TV 1, xã TH, huyện Chiêm Hóa. Đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N đi làm công ty, vợ chồng bất đồng về kinh tế nên vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau; năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do anh Đ và chị N thường xuyên xảy ra xô xát, đánh nhau, thôn có tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Từ đầu năm 2020 chị N không về chung sống cùng anh Đ nữa. Về con chung: Anh Đ, chị N có 02 con là cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 06/02/2003 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 18/12/2007. Cháu T hiện nghỉ học đã đi làm công nhân ở ngoài địa phương, còn cháu C đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị N, cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 18/12/2007 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày

06/02/2003 hiện đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Triệu Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn TV 1, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Triệu Thị N và anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N và anh Nguyễn Văn Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, tự nguyện kết hôn, có kết hôn vào ngày 20/11/2006 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại Thôn TV 1, xã TH, huyện Chiêm Hóa cho thấy: Chị N và anh Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N đi làm công ty từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau về kinh tế, xô xát, đánh nhau; tổ hòa giải của thôn và gia đình đã tiến hành hòa giải, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Từ năm 2021 chị N không về chung sống cùng anh Đ và vợ chồng sống ly thân từ đó. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Do vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị N, xử cho chị Triệu Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Triệu Thị N và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 06/02/2003 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 18/12/2007. Quá trình giải quyết vụ án cả chị N và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, tại biên bản ghi ý kiến cháu T trình bày khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Văn Đ, đơn xin xét xử vắng mặt chị N nhất trí cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang. Do đó căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 18/12/2007 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Triệu Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Nguyễn Mạnh C hiện đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Triệu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Triệu Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 18/12/2007 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Triệu Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0005474 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TH;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Huệ